

Số:27/2016/QĐ- UBND

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 7 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định cơ quan kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn, thực phẩm nông lâm thủy sản và phân công, phân cấp cơ quan quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 giữa Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ quan kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn, thực phẩm nông lâm thủy sản và phân công, phân cấp cơ quan quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của ngành

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và được đăng công báo tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục QLCL NLS&TS - Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- MTTQVN tỉnh VL và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Báo Vĩnh Long, Đài PT-TH VL,  
Công TTĐT của UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, 4.01.05.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đã ký: Nguyễn Văn Quang**

**QUY ĐỊNH**

**Cơ quan kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn, thực phẩm nông lâm thủy sản và phân công, phân cấp cơ quan quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định nguyên tắc hoạt động, cơ quan kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn; cơ quan kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản; cơ quan quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản, Kiểm lâm, Thủy lợi, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn, thực phẩm nông lâm thủy sản (*sau đây gọi tắt là cơ sở*).

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và phối hợp trong công tác kiểm tra**

1. Một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự kiểm tra bởi một cơ quan theo Điều 4, Điều 5, Điều 6 của quy định này; Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thì phân công một cơ quan chủ trì kiểm tra, cơ quan liên quan có trách nhiệm cử cán bộ tham gia các hoạt động phối hợp kiểm tra với cơ quan chủ trì (nếu có yêu cầu từ cơ quan chủ trì); cơ quan được giao chủ trì kiểm tra chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra đối với cơ sở thuộc đối tượng được phân công kiểm tra cụ thể như sau:

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại vật tư nông nghiệp; sản phẩm nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền kiểm tra của Chi cục Chăn nuôi và Thú

y với các đơn vị có liên quan: Chi cục Thủy sản, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Kiểm lâm thì Chi cục Chăn nuôi và Thú y chịu trách nhiệm kiểm tra.

b) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại vật tư nông nghiệp; sản phẩm nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền kiểm tra của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật với các đơn vị có liên quan: Chi cục Thủy sản, Chi cục Kiểm lâm thì Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm kiểm tra.

c) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại vật tư nông nghiệp; sản phẩm nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền kiểm tra của Chi cục Thủy sản với đơn vị có liên quan: Chi cục Kiểm lâm thì Chi cục Thủy sản chịu trách nhiệm kiểm tra.

d) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm nông lâm thủy sản thuộc thẩm quyền kiểm tra của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản với các chi cục khác trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chịu trách nhiệm kiểm tra.

2. Hoạt động kiểm tra về chất lượng, an toàn thực phẩm phải không chồng chéo giữa các cơ quan; bảo đảm các hoạt động này được thực hiện thống nhất từ tỉnh đến huyện. Trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch kiểm tra thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên.

b) Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành của cơ quan cùng cấp trùng nhau về địa bàn, cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập đoàn liên cơ quan.

3. Hoạt động lấy mẫu giám sát về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm trước khi đưa ra thị trường được thực hiện tại cơ sở kiểm tra phải đảm bảo tính khách quan trong đánh giá, cảnh báo nguy cơ và kịp thời truy xuất, xử lý vi phạm.

4. Thực hiện việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan kiểm tra từ lập kế hoạch đến thực hiện kiểm tra, giám sát để biết và phối hợp; cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả phối hợp kiểm tra cho cơ quan tham gia phối hợp biết.

5. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp kiểm tra phải được bàn bạc, giải quyết theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CƠ QUAN KIỂM TRA, QUẢN LÝ**

**Điều 4. Cơ quan kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn**

Nội dung quy định cơ quan kiểm tra cụ thể tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

**Điều 5. Cơ quan kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản**

Nội dung quy định cơ quan kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cụ thể tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

**Điều 6. Phân công, phân cấp cơ quan quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ**

Nội dung quy định phân công, phân cấp cơ quan quản lý cụ thể tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy định này.

**Chương III  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo quy định này.

3. Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản của các cơ quan được phân công theo quy định này.

**Điều 8. Sở Tài chính**

Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách hàng năm cho các cơ quan kiểm tra và kinh phí triển khai công tác quản lý các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ theo quy định.

**Điều 9. Các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn và kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân công tại các Phụ lục của Quyết định này.

2. Công khai kết quả kiểm tra, xếp loại cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân công kiểm tra, quản lý theo quy định.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo quy định này.

4. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chế độ báo cáo hiện hành.

5. Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản có trách nhiệm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản), Ủy ban nhân dân tỉnh theo chế độ báo cáo hiện hành.

#### **Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện theo phân cấp của Quy định này.

2. Phân công trách nhiệm kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản; quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn huyện cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo phân cấp tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

3. Công khai kết quả kiểm tra, xếp loại cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân cấp kiểm tra, quản lý theo quy định.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp theo quy định này.

5. Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu, bố trí nguồn lực, kinh phí triển khai công tác quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện.

6. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chế độ báo cáo hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, các cá nhân, tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bằng văn bản để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đã ký: Nguyễn Văn Quang**

**PHỤ LỤC 1**  
**CƠ QUAN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**  
**ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP,**  
**NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND  
ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

<b>STT</b>	<b>Cơ quan kiểm tra và loại sản phẩm</b>	<b>Loại hình cơ sở</b>
<b>I</b>	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b>	
1	Thức ăn gia súc, gia cầm.	Cơ sở sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2	Thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong thú y, thú y thủy sản.	
3	Giống vật nuôi.	
<b>II</b>	<b>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>	
1	Phân bón (thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).	Cơ sở sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2	Thuốc Bảo vệ thực vật.	
3	Giống cây trồng nông nghiệp.	
<b>III</b>	<b>Chi cục Thủy sản</b>	
1	Thức ăn thủy sản.	Cơ sở sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2	Sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản.	
3	Giống thủy sản.	
<b>IV</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>	
	Giống cây trồng lâm nghiệp.	Cơ sở sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
<b>V</b>	<b>Chi cục Thủy lợi</b>	
	Nước sinh hoạt nông thôn.	Toàn bộ cơ sở trên địa bàn tỉnh.
<b>VI</b>	<b>Ủy ban nhân dân cấp huyện</b>	
1	Thức ăn gia súc, gia cầm; Thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong thú y, thú y thủy sản; Giống vật nuôi.	Cơ sở sản xuất, kinh doanh do cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2	Phân bón (thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Thuốc Bảo vệ thực vật; Giống cây trồng.	
3	Thức ăn thủy sản; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản; Giống thủy sản.	
4	Giống cây trồng lâm nghiệp.	

**PHỤ LỤC 2**  
**CƠ QUAN KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC**  
**PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**  
**THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định số 27 /2016/QĐ-UBND  
ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Cơ quan kiểm tra và loại sản phẩm</b>	<b>Loại hình cơ sở</b>
<b><i>I</i></b>	<b><i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</i></b>	
1	Chăn nuôi động vật trên cạn (bao gồm cả côn trùng dùng làm thực phẩm như: <i>châu chấu, dế, nhộng tằm,...</i> ).	Cơ sở sản xuất có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại.
2	Giết mổ gia súc, gia cầm; Sơ chế sản phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.	Toàn bộ cơ sở trên địa bàn tỉnh.
3	Thịt và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên cạn tươi sống dùng làm thực phẩm (bao gồm cả mật ong, sản phẩm sữa ong chúa, các sản phẩm từ yến).	Cơ sở kinh doanh do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
<b><i>II</i></b>	<b><i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i></b>	
	Sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật.	Cơ sở sản xuất có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại.
<b><i>III</i></b>	<b><i>Chi cục Thủy sản</i></b>	
1	Nuôi cá tra thâm canh.	Toàn bộ cơ sở trên địa bàn tỉnh.
2	Nuôi trồng thủy sản lồng, bè.	Toàn bộ cơ sở trên địa bàn tỉnh.
3	Tàu cá.	Cơ sở tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên trên toàn tỉnh.
<b><i>IV</i></b>	<b><i>Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản</i></b>	
1	Sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp cho cấp tỉnh quản lý (trừ các sản phẩm nêu tại Phần I, Phần II, Phần III của Phụ lục này).	Cơ sở sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2	Sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương theo quy	Cơ sở sản xuất do cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

STT	Cơ quan kiểm tra và loại sản phẩm	Loại hình cơ sở
	định tại Khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp cho cấp tỉnh quản lý.	
<b>V</b>	<b><i>Ủy ban nhân dân cấp huyện</i></b>	
1	Sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp cho cấp tỉnh quản lý.	Cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện (trừ các nội dung nêu tại Phần I, II, III, IV Phụ lục này).
2	Sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp cho cấp tỉnh quản lý.	Cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện do cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**PHỤ LỤC 3**  
**PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP CƠ QUAN QUẢN LÝ**  
**ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT BAN ĐẦU NHỎ LẺ**

*(Ban hành kèm theo Quy định tại Quyết định số 27 /2016/QĐ-UBND  
ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Cơ quan quản lý	Phạm vi quản lý	Nhiệm vụ thực hiện
1	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cơ sở trồng trọt nhỏ lẻ	Chủ trì tập huấn, hướng dẫn cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ được phân công.
2	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ	
3	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Cơ sở thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm sản nhỏ lẻ	
4	Chi cục Thủy sản	Cơ sở nuôi trồng, đánh bắt, khai thác thủy sản nhỏ lẻ	Tuyên truyền, tổ chức ký cam kết, kiểm tra và xử lý cơ sở vi phạm theo quy định.
		Cơ sở nuôi cá tra thâm canh nhỏ lẻ; Cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè nhỏ lẻ	
5	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trên địa bàn huyện (trừ các cơ sở nuôi cá tra thâm canh nhỏ lẻ; Cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè nhỏ lẻ).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện tuyên truyền, tổ chức ký cam kết và kiểm tra cơ sở.</li> <li>- Xử lý cơ sở vi phạm trên địa bàn huyện theo quy định.</li> </ul>